|  |  |
| --- | --- |
| BỘ CÔNG THƯƠNG**VỤ THỊ TRƯỜNG****CHÂU Á – CHÂU PHI****––––––** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**–––––––––––––––––––––––––––––––––– |
|  | *Hà Nội, ngày 09 tháng 12 năm 2023* |

**TÀI LIỆU**

**HỘI NGHỊ THÚC ĐẨY HỢP TÁC KINH TẾ THƯƠNG MẠI**

**CÁC TỈNH BIÊN GIỚI PHÍA BẮC VỚI TRUNG QUỐC**

**PHẦN I: TÌNH HÌNH HỢP TÁC VIỆT NAM – TRUNG QUỐC**

**I. TÌNH HÌNH KINH TẾ, XÃ HỘI TRUNG QUỐC**

**1. Tóm tắt tình hình kinh tế, xã hội Trung Quốc 09 tháng năm 2023**

Sau 3 Quý kể từ khi mở cửa trở lại, nền kinh tế của Trung Quốc vẫn còn gặp nhiều khó khăn tại thời điểm hiện tại. Tâm lý tích trữ và chưa sẵn sàng tiêu dùng của người dân khiến nhu cầu nội địa của Trung Quốc tương đối yếu và các chỉ số kinh tế cũng xuất hiện dấu hiệu chững lại. Theo Tổng cục Thống kê Trung Quốc, một số chỉ số kinh tế của Trung Quốc 10 tháng năm 2023 như sau:

- GDP 09 tháng đạt 87026,9 tỷ Nhân dân tệ (~ 11.923,29 tỷ USD), tăng 3%.

- Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) trên toàn quốc Trung Quốc tăng 2% so với cùng kỳ năm 2022.

- Chỉ số giá sản xuất (PPI) giảm 1,3% so với cùng kỳ năm 2022.

- Chỉ số quản lý thu mua (PMI) đạt 49,5%, tăng 0,5 điểm phần trăm so với tháng trước và vẫn nằm trong phạm vi mở rộng. Chỉ số PMI của ngành sản xuất chế tạo và của các hoạt động kinh doanh phi sản xuất, chế tạo lần lượt là 50,9% và 50,6%.

Nhìn chung, trong 09T/2023, kinh tế - xã hội Trung Quốc theo đánh giá của Cục Thống kê quốc gia Trung Quốc hoàn toàn khôi phục hoạt động bình thường, các chính sách vĩ mô ngày càng hiệu quả, kinh tế đất nước phục hồi, chất lượng phát triển ngày càng nâng cao. Tuy nhiên, tình hình kinh tế - chính trị thế giới diễn biến phức tạp, nền tảng cho sự phục hồi và phát triển bền vững của kinh tế Trung Quốc vẫn chưa vững chắc.

Quan điểm chung của Trung Quốc là giữ vững ổn định, thực hiện đầy đủ, chính xác và toàn diện quan điểm phát triển mới, tập trung vào nhiệm vụ hàng đầu là phát triển chất lượng cao và chiến lược xây dựng mô hình phát triển mới, với nhiệm vụ là đi sâu toàn diện cải cách mở cửa, đẩy nhanh xây dựng hệ thống công nghiệp hiện đại, tập trung tháo gỡ chu kỳ kinh tế, nỗ lực hơn nữa trong chuyển đổi phương thức, điều chỉnh cơ cấu, tạo đà tăng trưởng, phấn đấu thúc đẩy nâng cao hiệu quả nền kinh tế và tăng trưởng hợp lý về lượng.

**2. Tình hình ngoại thương Trung Quốc**

Theo số liệu thống kê của Hải quan Trung Quốc, 10 tháng năm 2023, kim ngạch xuất nhập khẩu của Trung Quốc với thế giới đạt 4.899,9 tỷ USD, giảm 6% so với cùng kỳ. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu đạt 2.791,9 tỷ USD, giảm 5,6%; kim ngạch nhập khẩu đạt 2.107,9 tỷ USD, giảm 6,5% so với cùng kỳ năm 2022.

ASEAN tiếp tục giữ vị trí đối tác thương mại lớn nhất của Trung Quốc với tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hai chiều đạt 747,3 tỷ USD, giảm 5,0%. Việt Nam là đối tác thương mại lớn nhất của Trung Quốc trong các nước ASEAN.

Khó khăn của kinh tế Trung Quốc nói chung, của hoạt động xuất nhập khẩu nói riêng của Trung Quốc xuất phát từ một số nguyên nhân chủ yếu như: (i) Kinh tế toàn cầu suy yếu, biên độ phục hồi còn thấp, động lực tiêu dùng còn yếu, các nền kinh tế lớn như Mỹ và EU tăng lãi suất ngân hàng dẫn đến hoạt động xuất khẩu của nhiều nước suy giảm mạnh (như Hàn Quốc, Ấn Độ, Singapore); (ii) Đồng Nhân dân tệ mất giá mạnh so với đồng USD; (iii) Thị trường bất động sản chưa ghi nhận tín hiệu phục hồi; (iv) Tiêu dùng và đầu tư chưa đạt như kỳ vọng, nội nhu yếu dẫn đến nhu cầu hàng hóa ở mức thấp; (v) căng thẳng trong vấn đề nợ công lớn của các địa phương Trung Quốc…

**II. HỢP TÁC THƯƠNG MẠI, CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM – TRUNG QUỐC**

**1. Tình hình chung**

**Theo thống kê của Hải quan Việt Nam**, kim ngạch xuất nhập khẩu Việt Nam - Trung Quốc năm 2022 đạt 175,56 tỷ USD, tăng 5,47% so với năm 2021. Trong đó, xuất khẩu sang Trung Quốc đạt 57,7 tỷ USD, tăng 3,18%; nhập khẩu từ Trung Quốc đạt 117,8 tỷ USD, tăng 6,63%; nhập siêu ở mức 60,1 tỷ USD, tăng 10,18%. Trung Quốc tiếp tục là đối tác thương mại lớn nhất, thị trường nhập khẩu lớn nhất và thị trường xuất khẩu lớn thứ 2 của Việt Nam, sau Mỹ.

Trong 10 tháng năm 2023, kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam với Trung Quốc đạt 138,9 tỷ USD, giảm 5,88% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, xuất khẩu sang Trung Quốc đạt 49,5 tỷ USD (chiếm 17% giá trị xuất khẩu của Việt Nam), **tăng 5,13%;** nhập khẩu từ Trung Quốc đạt 89,3 tỷ USD (chiếm 33,4% giá trị nhập khẩu của Việt Nam), giảm 11%. Nhập siêu của Việt Nam từ Trung Quốc có giá trị 39,7 tỷ USD, giảm 25,4% so với cùng kỳ năm 2022.

**Theo thống kê của Hải quan Trung Quốc**,kim ngạch xuất nhập khẩu giữa hai nước Việt Nam - Trung Quốc năm 2022 đạt 234,9 tỷ USD, tăng 2,1% (thấp hơn nhiều so với tăng trưởng 19,7% trong cả năm 2021); trong đó, kim ngạch Việt Nam nhập khẩu từ Trung Quốc đạt 146,9 tỷ USD, tăng 6,8%, kim ngạch xuất khẩu đạt 87,9 tỷ USD, giảm 4,7%, nhập siêu từ Trung Quốc năm 2022 lên đến 59 tỷ USD.

Trong 10 tháng năm 2023, kim ngạch xuất nhập khẩu giữa Trung Quốc và Việt Nam đạt 185,05 tỷ USD, giảm 2,8% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, xuất khẩu của Trung Quốc sang Việt Nam đạt 111,3 tỷ USD, giảm 6,1%; nhập khẩu của Trung Quốc từ Việt Nam đạt 73,6 tỷ USD, tăng 2,6% so với cùng kỳ năm 2022.

Về mặt hàng, Việt Nam xuất khẩu sang Trung Quốc các mặt hàng như điện thoại di động, linh kiện, thiết bị điện tử, cao su, nông sản, thủy hải sản... và nhập khẩu từ thị trường Trung Quốc các sản phẩm như máy móc, thiết bị, nguyên liệu sản xuất trong ngành may mặc, giày da, sắt thép, vật tư xây dựng..., cho đến các mặt hàng sinh hoạt hàng ngày.

**2. Tình hình thương mại biên giới Việt - Trung**

Theo số liệu thống kê từ Hải quan Việt Nam, trong 10 tháng đầu năm 2023, kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam với Trung Quốc qua các cửa khẩu biên giới đất liền đạt 34,57 tỷ USD, tăng 87,3% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, xuất khẩu đạt 14,23 tỷ USD, tăng 315,7%; nhập khẩu đạt 20,34 tỷ USD, tăng 43,8% so với cùng kỳ năm 2022.

**PHẦN II: TÌNH HÌNH HỢP TÁC VIỆT NAM – QUẢNG TÂY**

**I. TÌNH HÌNH KINH TẾ XÃ HỘI QUẢNG TÂY**

**1. Tóm tắt tình hình kinh tế xã hội Quảng Tây**

- Quảng Tây là một trong 05 khu tự trị của Trung Quốc[[1]](#footnote-1), có diện tích 237.600 km2, dân số khoảng 48 triệu người. Quảng Tây tiếp giáp với các địa phương: Vân Nam, Quý Châu, Hồ Nam, Quảng Đông (Trung Quốc) và các địa phương của Việt Nam bao gồm: Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn và Quảng Ninh.

- Năm 2022, GDP của Quảng Tây đạt 2,63 nghìn tỷ NDT (tương đương khoảng 382 tỷ USD[[2]](#footnote-2)), tăng 2,9% so với năm 2021[[3]](#footnote-3). Giá trị gia tăng của ngành nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ lần lượt đạt đạt 426,98 tỷ NDT (tương đương 62,11 tỷ USD), tăng 5%; 893,85 tỷ NDT (tương đương 130,03 tỷ USD), tăng 3,2% và 1,3 tỷ NDT (tương đương 190,45 tỷ USD), tăng 2%. Thu nhập bình quân đầu người một năm của Quảng Tây đạt 27.981 NDT (tương đương 4.070 USD/người/năm), tăng 4,7% so với với năm 2021.

- Một số chỉ tiêu kinh tế xã hội của Quảng Tây trong 09 tháng năm 2023:

+ GRDP đạt 1965,42 tỷ NDT (270,64 tỷ USD), tăng 3,9%;

+ Giá trị gia tăng sản xuất công nghiệp quy mô lớn tăng 6%;

+ Đầu tư cho tài sản cố định giảm 13,2%;

**2. Tình hình ngoại thương của Quảng Tây**

*- Năm 2022*, theo Hải quan Nam Ninh, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Quảng Tây với thế giới đạt 660,35 tỷ NDT (~ 95,92 tỷ USD), tăng 11,3% so với năm 2021. Trong đó, xuất khẩu đạt 370,53 tỷ NDT (~ 53,82 tỷ USD), tăng 26,1%; nhập khẩu đạt 289,81 tỷ NDT (~ 42,09 tỷ USD), giảm 3,2%.

+ Kim ngạch xuất nhập khẩu của Quảng Tây khu vực ASEAN đạt 281,11 tỷ NDT (~ 40,83 tỷ USD), giảm 0,4% so với năm 2021. Trong đó, xuất khẩu sang ASEAN đạt 205,51 tỷ NDT (~ 29,85 tỷ USD), tăng 24%; nhập khẩu từ ASEAN đạt 75,59 tỷ NDT (~ 10,98 tỷ USD), giảm 35,1% (ASEAN liên tục 23 năm liền là đối tác thương mại lớn nhất của Quảng Tây[[4]](#footnote-4), năm 2022 ngoại thương của Quảng Tây với ASEAN chiếm 42.6% tổng giá trị ngoại thương của Quảng Tây).

+ Các đối tác thương mại chính của Quảng Tây theo thứ tự bao gồm: Việt Nam, Hồng Công, Mỹ, Thái Lan, Braxin, Đài Loan, Ả Rập Xê-út, Chile;…

*- Tính đến hết tháng 10/2023*, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Quảng Tây đạt khoảng 80,87 tỷ USD, tăng 13,7%. Trong đó, xuất khẩu đạt khoảng 41 tỷ USD, tăng 6,9%; nhập khẩu khoảng 39,88 tỷ USD, tăng 21,7%. Về quy mô ngoại thương, Quảng Tây xếp thứ 14/31, về tốc độ tăng trưởng đứng thứ 6/31 trong các tỉnh thành của Trung Quốc.

+ Về hình thức, thương mại chính quy chiếm 40,3% tổng giá trị xuất nhập khẩu của Quảng Tây, đạt khoảng 32,6 tỷ USD, tăng 8,6%; giá trị thương mại logistics bảo thuế, tiểu ngạch biên giới, trao đổi hàng hóa cư dân biên giới lần lượt đạt 22,5 tỷ USD, 9,3 tỷ USD và 5,04 tỷ USD, ghi nhân mức tăng là 36,6%, 16% và 141,3%, lần lượt chiếm tỷ trọng 27,9%, 11,5% và 6,2% tổng giá trị trao đổi ngoại thương của Quảng Tây.

+ Về địa phương, có 11/14 địa phương của Quảng Tây đạt mức tăng trưởng dương về xuất nhập khẩu. 02/3 địa phương giáp với Việt Nam gồm Sùng Tả và Phòng Thành Cảng có kim ngạch xuất nhập khẩu tăng lần lượt 23,4% và 30,6%, chiếm tỷ trọng 34,4% và 14,5% tổng giá trị xuất nhập khẩu của Quảng Tây. Sùng Tả vẫn luôn duy trì là địa phương có giá trị trao đổi ngoại thương lớn nhất của Quảng Tây (khoảng 27,8 tỷ USD), Phòng Thành Cảng có quy mô xuất nhập khẩu đứng thứ 3/14 (khoảng 11,7 tỷ USD).

+ Về mặt hàng, nông sản nhập khẩu tiếp tục duy trì tỷ trọng cao và chiếm 17,3% tổng giá trị nhập khẩu của Quảng Tây, tăng trưởng 32,7% và đạt khoảng 6,89 tỷ USD trong 10 tháng đầu năm 2023.

Về tổng thể, kinh tế Quảng Tây vẫn đang chịu tác động bất lợi đến từ những khó khăn chung của kinh tế thế giới nói chung và Trung Quốc nói riêng. Riêng lĩnh vực xuất nhập khẩu tiếp tục duy trì đà tăng trưởng nhờ dỡ bõ các biện pháp phòng dịch đối với hàng hóa xuất khẩu nhập tại khu vực cửa khẩu biên giới và tận dụng được ưu thế về vị trí địa lý trong chuỗi cung ứng hóa hóa giữa hai nước.

**II. HỢP TÁC VIỆT NAM – QUẢNG TÂY**

**1. Tình hình thương mại Việt Nam – Quảng Tây**

*- Năm 2022*, theo số liệu của Hải quan Nam Ninh, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu Việt Nam – Quảng Tây đạt 199,13 tỷ NDT (~ 28,92 tỷ USD) (chiếm 30,15% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Quảng Tây với thế giới và chiếm tới 70,83% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Quảng Tây với ASEAN), giảm 01% so với năm 2021. Trong đó, xuất khẩu của Quảng Tây sang Việt Nam đạt 158,24 tỷ NDT (~ 22,98 tỷ USD) (chiếm 42,7% giá trị xuất khẩu của Quảng Tây ra thế giới), tăng 11%; nhập khẩu của Quảng Tây từ Việt Nam đạt 40,88 tỷ NDT (~ 5,93 tỷ USD) (chiếm 14,1% giá trị nhập khẩu của Quảng Tây từ thế giới), giảm 29%.

*Như vậy, Việt Nam là đối tác thương mại lớn nhất của Quảng Tây, là thị trường xuất khẩu và nhập khẩu lớn nhất của Quảng Tây trên thế giới.*

+ Các mặt hàng xuất khẩu chính của Quảng Tây sang Việt Nam: hàng dệt may (3,9 tỷ USD, giảm 20,14% so với năm 2021; vật liệu đá và thủy tinh (1,03 tỷ USD, giảm 14,2%); sản phẩm điện và cơ khí (10,08 tỷ USD, tăng 60,13%); sản phẩm rau quả (1,25 tỷ USD, tăng 19,62%); vật liệu nhựa và cao su (855,3 triệu USD, giảm 41,36%);…

+ Các mặt hàng nhập khẩu chính từ Việt Nam: sản phẩm điện và cơ khí (1,64 tỷ USD, giảm 25,41%); sản phẩm rau quả (358,57 triệu USD, tăng 45,82%); gỗ và sản phẩm từ gỗ (342,94 triệu USD, tăng 263,34%); sản phẩm khoáng sản (163,86 triệu USD, tăng 13,55%); thực phẩm chế biến (156,64 triệu USD, tăng 18,3%);…

- *Tính đến hết tháng 10 năm 2023*, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu giữa Quảng Tây với Việt Nam đạt 204,87 tỷ NDT (khoảng 29,3 tỷ USD), tăng 40,9% và chiếm khoảng 36,2% tổng giá trị trao đổi ngoại thương của Quảng Tây. Trong đó, Quảng Tây xuất khẩu 150,36 tỷ NDT (khoảng 21,5 tỷ USD), tăng 31,4%, chiếm 52,4% tổng xuất khẩu; nhập khẩu 54,51 tỷ NDT (khoảng 7,8 tỷ USD), tăng 76,1%, chiếm 19,5% tổng nhập khẩu của Quảng Tây.

Các mặt hàng chính Quảng Tây nhập khẩu từ Việt Nam gồm cáp điện, nguyên liệu gỗ, thiết bị thông tin viễn thông, quặng và tinh quặng Titan, trái cây tươi, tinh bột sắn, quặng và tinh quặng Tho-ri, nhôm thỏi tái chế...

Nhóm mặt hàng xuất khẩu chính của Quảng Tây gồm vi mạch điện tử, ắc quy Li-ion, quần áo, vật liệu hợp kim nhôm, loa, chế phẩm nhựa, động cơ đốt trong...

*- Hết tháng 10/2023*, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu qua các cửa khẩu với Quảng Tây chiếm tỷ trọng 97,06% tổng giá trị giao dịch hàng hóa qua các cửa khẩu trên bộ với Trung Quốc, trong đó xuất khẩu chiếm 95,53%, nhập khẩu chiếm 97,72%.

**2. Hợp tác về đầu tư**

Tính đến hết tháng 10/2023, Quảng Tây có 184 doanh nghiệp (ngoài lĩnh vực tài chính ngân hàng) đăng ký đầu tư tại Việt Nam với tổng vốn đầu tư thực tế đạt 140 triệu USD. Tổng giá trị hợp đồng EPC các doanh nghiệp Quảng Tây đã thực hiện tại Việt Nam đạt 1,09 tỷ USD.

Về đầu tư của Việt Nam tại Quảng Tây, theo thống kê của phía Quảng Tây, hết tháng 10/2023, có 103 doanh nghiệp Việt Nam đăng ký đầu tư tại Quảng Tây, tổng vốn đăng ký đạt 196 triệu USD, thực hiện 17,92 triệu USD.

**PHẦN III: TÌNH HÌNH HỢP TÁC VIỆT NAM – VÂN NAM**

**I. THÔNG TIN CHUNG VỀ TỈNH VÂN NAM**

**1. Tóm tắt tình hình kinh tế xã hội Vân Nam**

Vân Nam là một tỉnh thuộc khu vực Tây Nam, Trung Quốc, có diện tích hơn 394 nghìn km2 (chiếm 4,1% diện tích toàn Trung Quốc), dân số 47 triệu người với 26 dân tộc khác nhau.

Vân Nam tiếp giáp với các tỉnh Quý Châu, Quảng Tây, Tứ Xuyên, Tây Tạng (Trung Quốc) và các nước Mi-an-ma, Lào, Việt Nam. Các địa phương của Vân Nam giáp Việt Nam bao gồm: Châu Hồng Hà và Châu Văn Sơn.

**Năm 2022,** GDP toàn tỉnh Vân Nam đạt 2,8 nghìn tỷ NDT (tương đương 408 tỷ USD), tăng 4,3% so với năm 2021. Giá trị gia tăng của ngành nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ lần lượt đạt đạt 401 tỷ NDT (tương đương 58,48 tỷ USD), tăng 4,9%; 1000 tỷ NDT (tương đương 145,8 tỷ USD), tăng 6% và 1,4 tỷ NDT (tương đương 0,2 tỷ USD), tăng 3,1%. CPI cả năm tăng 1,6% so với năm 2021, trong đó: chỉ số giá lương thực tăng 0,7% và phi lương thực tăng 1,8%. Chỉ số giá sản xuất công nghiệp (PPI) cả năm tăng 5,4% so với năm 2021. Thu nhập bình quân đầu người một năm của tỉnh đạt 26,9 nghìn NDT (tương đương 3,92 nghìn USD), tăng 5% so với với năm 2021.

**2. Tình hình ngoại thương của Vân Nam**

Theo Hải quan Côn Minh, **năm 2022,** kim ngạch xuất nhập kahaur Vân Nam với thế giới đạt 50 tỷ USD, tăng 2,8% so với năm 2021, xuất khẩu đạt 24,1 tỷ USD, giảm 11,7%, nhập khẩu đạt 25,9 tỷ USD, tăng 21,4%. Kim ngạch xuất nhập khẩu của Vân Nam với khu vực ASEAN đạt 19 tỷ USD, giảm 1,3% so với năm 2021, trong đó NK đạt 8,8 tỷ USD, tăng 9,1%, xuất khẩu đạt 10,2 tỷ USD, giảm 8,7%. Các đối tác thương mại chính của Vân Nam gồm có Mi-an-ma, Ả Rập Xê Út, Việt Nam, Mỹ, Thái Lan, Ma-lai-xi-a, Cô-oét, Bra-xin, Lào.

Trong 3 quý đầu năm 2023, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Vân Nam đạt 260,9 tỷ NDT (36,5 tỷ USD), tăng 16,4% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, xuất khẩu đạt 131,3 tỷ NDT (18,3 tỷ USD), tăng 11,4%; nhập khẩu đạt 129,5 tỷ NDT (18,1 tỷ USD), tăng 21,8%.

Xuất nhập khẩu theo hình thức thông thường đạt 192,4 tỷ NDT (26,9 tỷ USD), tăng 22%, chiếm tỷ trọng 73,7% tổng giá trị xuất nhập khẩu của toàn tỉnh; xuất nhập khẩu theo hình thức gia công đạt 27,5 tỷ NDT (3,84 tỷ USD), tăng 27%; xuất nhập khẩu theo hình thức logistics bảo thuế đạt 16,4 tỷ NDT (2,29 tỷ USD), tăng 211,9%.

**II. HỢP TÁC THƯƠNG MẠI VIỆT NAM – VÂN NAM**

Theo thống kê của Tổng cục Hải quan Trung Quốc, kim ngạch thương mại hai chiều giữa Vân Nam với Việt Nam tính đến hết tháng 10/2023 đạt 2,2 tỷ USD, giảm 18,51% so với cùng kỳ năm trước, trong đó Vân Nam xuất khẩu đạt 1,3 tỷ USD, giảm 39,44%; nhập khẩu đạt 841,4 triệu USD, tăng 77,03%.

Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Vân Nam là: nông sản (các loại rau, củ, quả…), than cốc, phân bón, năng lượng điện, máy móc thiết bị điện, hóa chất khác,…; nhập khẩu chủ yếu của Vân Nam: Phốt pho vàng, Hoa quả nhiệt đới (thanh long, xoài, chuối, dưa hấu, vải, nhãn..), sản phẩm gỗ, ván bóc, dược liệu, sắn tươi, tinh bột sắn, nông sản..../.

1. Bao gồm: Tân Cương, Tây Tạng, Ninh Hạ, Nội Mông và Quảng Tây. [↑](#footnote-ref-1)
2. Quy đổi theo tỷ giá: 1 CNY = USD 0,1455 (https://vn.valutafx.com/CNY-USD.htm) [↑](#footnote-ref-2)
3. http://gx.news.cn/newscenter/2023-01/21/c\_1129305086.htm [↑](#footnote-ref-3)
4. http://bbwb.gxzf.gov.cn/ywdt/t15711794.shtml [↑](#footnote-ref-4)